TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/HC-PT
Ngày: 15 - 5 - 2018
V/v: "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh
Các thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung
Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 147/2015/TLPT – HC ngày 19 tháng 11 năm 2015 về việc "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2015/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2016/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2016 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà **Nguyễn Thị Z**, sinh năm 1936; Địa chỉ: đường Nguyễn Hữu T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1959 – Có mặt.

**** Người bị kiện:*** **Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh BR-VT – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Phan Văn M** – Có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1959; Địa chỉ: đường C, phường P, TP. B, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1971; Địa chỉ: đường Nguyễn Hữu T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Có mặt.

****Người kháng cáo***: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo "tờ hứa bán 1 lô đất thổ cư" lập năm 1963, hộ bà Nguyễn Thị Z mua đất chung với hộ ông Đỗ Văn B, Bùi Văn H diện tích đất 720 m^2 đất thổ cư, lô 304, tờ 1 xã P, số địa bộ 395, đất có bằng khoán của chính quyền cũ. Năm 1965 hộ bà Z được chia diện tích 22,5 m X 6m = 135m^2. Gia đình bà Z sử dụng đất ổn định, liên tục từ đó đến nay, ngày 07/7/1998 bà Z được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M469655 diện tích 172.3 m^2**.** Thực hiện dự án: Mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 51 với Quốc lộ 55 tại Ngã ba Thành Thái - Thị xã B, ngày 23/11/ 1998 Uỷ ban nhân dân thị xã B tiến hành kiểm kê xác định diện tích đất giải tỏa của hộ bà Z là 81.70 m^2 đất. Ngày 12/2/1999 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 920/QĐ-UB về việc thu hồi 16.810,4 m^2 đất tại phường P, thị xã B và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Uỷ ban nhân dân thị xã B để đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 51 với Quốc lộ 55 tại Ngã ba Thành Thái- thị xã B, trong đó có đất của hộ bà Z.

Ngày 3/7/1999 Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 3440/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, trong đó cho hộ bà Z diện tích 24.54 m^2 đất. Đến ngày 27/3/2000 Uỷ ban nhân dân ban hành quyết định số 1376/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung, trong đó cho bà Z diện tích 19.9 m^2 đất. Tổng diện tích hộ bà Z được đền bù hai đợt là 44.44 m^2 .

Ngày 17/5/2001, Uỷ ban nhân dân thị xã B điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Z, có nội dung: Đã thu hồi làm đường 81,7m^2, diện tích còn lại 90,6m^2.

Căn cứ vào nội dung này, bà Z cho rằng nhà nước thu hồi diện tích đất của bà là 81,7m^2, nhưng chỉ bồi thường 44,44m^2, còn thiếu 37,26m^2. Nên ngày 25/10/2011 bà Nguyễn Thị Z làm đơn khởi kiện hành vi hành chính của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc không bồi thường khi thu hồi đất. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Z vẫn có yêu cầu với nội dung: kiến nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kinh phí đền bù diện tích 37.26 m^2 thu hồi nhưng chưa bồi thường cho hộ bà Z.

Ngày 02/3/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quyết định số 01/2012/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, với lý do: Sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 9/3/2012 bà Nguyễn Thị Z có đơn kháng cáo.

Ngày 10/7/2012 Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định phúc thẩm số 51/2012/QĐPT-HC giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, có nội dung không chấp nhận kháng cáo của bà Z.

Ngày 15/4/2015 Tòa án nhân dân tối cao ban hành quyết định giám đốc thẩm số 04/2015/HC-GĐT, có nội dung: Hủy quyết định giải quyết việc kháng cáo số 51/2012/QĐPT-HC ngày 10/7/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2012/QĐST-HC của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; giao hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại đúng quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra thông báo về việc thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 16/2015/TLST-HC về việc kiện "Hành vi hành chính của chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc không bồi thường khi thu hồi đất", theo quyết định giám đốc thẩm số 04/2015/HC-GĐT.

Theo bà Nguyễn Thị Z trình bày:

Bà Z khởi kiện yêu cầu Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung cho hộ bà diện tích còn thiếu là 37.26 m^2 do Uỷ ban nhân dân tỉnh đã giải tỏa thu hồi 81.7 m^2 của hộ năm 1999 để nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 55.

Căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ và quyết định số 760/2005/QĐ-UBND ngày 10/3/2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bản phụ lục ban hành kèm theo quyết định 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013, thì diện tích 37.26 m^2 đất của hộ bà Z nằm ở vị trí 1, đường loại 1 với giá bồi thường tại thời điểm năm 2014 là 9.240.000× 37.26 m^2 = 344.282.400 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 12/2/1999 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định số 920/QĐ-UB về việc thu hồi 16.810.4 m^2 đất tại phường P, thị xã B và giao toàn bộ diện tích đất trên cho Ủy ban nhân dân thị xã B để đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 51 với Quốc lộ 55 tại Ngã ba Thành Thái- thị xã B.

Ngày 3/7/1999 Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 3440/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ bà Z diện tích 24.54 m^2 đất. Căn cứ theo quy định của luật Đất Đai 1993 và Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 chỉ ban hành quyết định thu hồi tổng thể nên khi thu hồi không ban hành quyết định thu hồi riêng từng hộ cá nhân.

Do bà Z có đơn khiếu nại diện tích đền bù còn thiếu, nên ngày 23/7/1999 Uỷ ban nhân dân thị xã B lập biên bản số 69/BB.UB về việc đền bù giải tỏa Quốc lộ 55, xác định diện tích giải tỏa của hộ bà Z là 44.44 m^2. Diện tích đã đền bù là 24.54 m^2 nay tiếp tục được tính toán thêm diện tích là 19.90 m^2 theo các biên bản kiểm kê. Ngày 27/3/2000 Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 1376/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù bổ sung diện tích 19.90 m^2 và bà đã nhận tiền.

Đối với diện tích 37.26 m^2 bà Z khởi kiện, do tại thời điểm tính toán đền bù, thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Z cấp sai về diện tích. Vì nguồn gốc đất của hộ bà Z là giấy trích lục địa bộ của chính quyền cũ. Theo các trích lục địa bộ đó thì đất của các hộ dân dọc tuyến đường nối Quốc lộ 51-Quốc lộ 55 không có phần diện tích mương đất và lề đường. Việc xét cấp giấy có cả phần diện tích lề đường và mương đất cho bà Z là không đúng (do khi đo đạc bản đồ địa chính trên hiện trạng do chủ hộ chỉ ranh) và đã bị thu hồi để điều chỉnh, nên không là căn cứ để yêu cầu bồi thường. Hồ sơ diện tích pháp lý đất sử dụng để được bồi thường là căn cứ giấy mua đất chung với hộ ông Đỗ Văn B, hộ ông Bùi Văn H, thì xác định diện tích đất hộ bà Z sử dụng hợp pháp là 135 m^2.

Do vậy, phần diện tích 37.26 m^2 là thuộc đất công, là lộ giới hiện trạng của hạ tầng đường nối Quốc lộ 51- Quốc lộ 55. Việc bà Z yêu cầu đền bù diện tích 37.26 m^2 là không đúng với chính sách về đền bù giải tỏa tại thời điểm thực hiện công trình, nên không thể giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn P trình bày: Ý kiến trình bày của bà Z cũng là ý kiến trình bày của hai ông. Đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung diện tích 37.26 m^2 còn thiếu cho hộ bà Z.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2015/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng Điều 27 Luật Đất Đai năm 1993 và Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Z về việc kiện "Hành vi hành chính của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc không bồi thường khi thu hồi đất".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí sơ thẩm và thi hành án theo luật định.

Ngày 08/10/2015 người khởi kiện bà Nguyễn Thị Z kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm tuyên buộc chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải bồi thường bổ sung cho hộ bà Nguyễn Thị Z.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người bị kiện không rút quyết định đã ban hành; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Z diện tích 172,3m^2 nhưng thực tế nguồn gốc đất của bà Z sử dụng hợp pháp chỉ có 135m^2. Việc Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Z luôn cả phần lề đường và mương nước là không đúng. Mặc dù vậy, khi thu hồi đất để sử dụng vào mục đích công cộng, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lại không ra quyết định thu hồi đất và tuỳ tiện điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Z cũng là không đúng với các quy định về thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng của Chính Phủ. Nếu có cơ sở để xác định phần diện tích đất 37,6m^2 là đất lề đường, mương nước không được bồi thường thì cũng phải ra quyết định thu hồi và nêu rõ không bồi thường do vi phạm lộ gới, đồng thời ra quyết định điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì mới đúng quy trình.

[2] Tuy nhiên, trong quá trình Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết vụ kiện theo trình tự phúc thẩm thì ngày 12/4/2017, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ra quyết định số 1593/QĐ-UBND để thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Z. Đây là tình tiết mới phát sinh, chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải huỷ bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giao hồ sơ về để điều tra, xét xử lại nhằm giải quyết triệt để yêu cầu của các đương sự.

[3] Do huỷ bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Z không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

1/ Huỷ toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 19/2015/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để điều tra, giải quyết lại theo quy định.

2/ Án phí hành chính phúc thẩm bà Nguyễn Thị Z không phải chịu. Hoàn trả cho bà Z 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, biên lai thu số 05500, ngày 14/10/2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (1);
-NBK (1);
-NLQ (2);
- Lưu (3) 15b (Án39)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tú Oanh